

THANH TRA CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2861/2008/QĐ-TTCP

Hà Nội, ngày 22 tháng 12 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế giám sát, kiểm tra hoạt động Đoàn thanh tra

TỔNG THANH TRA

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 41/2005/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra;

Căn cứ Nghị định số 65/2008/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra Chính phủ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế giám sát, kiểm tra hoạt động Đoàn Thanh tra".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng cơ quan nhà nước có liên quan; Chánh Thanh tra các cấp, các ngành; Thủ trưởng các cục, vụ, đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo TTCP;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Lưu: VT, PC.

TỔNG THANH TRA



Trần Văn Truyền

QUY CHẾ

Giám sát, kiểm tra hoạt động Đoàn thanh tra
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2864 /2008/QĐ -TTCP
Ngày 22 tháng 12 năm 2008 của Tổng Thanh tra)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc giám sát, kiểm tra hoạt động Đoàn thanh tra.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với Người ra quyết định thanh tra; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp cán bộ, công chức tham gia Đoàn thanh tra; Trưởng Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra; cán bộ, công chức được Người ra quyết định thanh tra cử thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm tra hoạt động Đoàn thanh tra.

Điều 3. Mục đích giám sát, kiểm tra

1. Giám sát hoạt động Đoàn thanh tra nhằm theo dõi, đánh giá hoạt động của Trưởng Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra trong việc thực hiện nhiệm vụ thanh tra, chấp hành pháp luật về thanh tra, quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức và ý thức chấp hành kỷ luật của thành viên Đoàn thanh tra; nắm bắt kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thanh tra để có biện pháp chấn chỉnh, giải quyết.

2. Kiểm tra hoạt động Đoàn thanh tra nhằm xem xét, làm rõ việc tố cáo hoặc dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan đến Trưởng Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra để xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Người giám sát” là Người ra quyết định thanh tra; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp thành viên Đoàn thanh tra; cán bộ, công chức được Người ra quyết định thanh tra cử thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt

động Đoàn thanh tra (sau đây gọi tắt là cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ giám sát).

2. “Người được giám sát” là Trưởng Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra

3. “Người kiểm tra” là Người ra quyết định thanh tra; cán bộ, công chức được Người ra quyết định thanh tra cử thực hiện nhiệm vụ kiểm tra hoạt động Đoàn thanh tra (sau đây gọi tắt là cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra).

4. “Người được kiểm tra” là Trưởng đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra bị tố cáo hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc giám sát, kiểm tra

1. Giám sát hoạt động Đoàn thanh tra được tiến hành thường xuyên kể từ khi có quyết định thanh tra đến khi có kết luận thanh tra.

2. Kiểm tra hoạt động Đoàn thanh tra được thực hiện khi bị tố cáo hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan đến Trưởng Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra.

3. Hoạt động giám sát, kiểm tra phải bảo đảm chính xác, khách quan, kịp thời; bảo mật thông tin, tài liệu; không can thiệp trái pháp luật vào hoạt động của Đoàn thanh tra.

Điều 6. Điều kiện, tiêu chuẩn của cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm tra

Cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ giám sát, kiểm tra hoạt động Đoàn thanh tra phải là người am hiểu về lĩnh vực được thanh tra, pháp luật thanh tra; có phẩm chất chính trị, tư cách đạo đức tốt; có ý thức trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, công minh, khách quan.

Chương II

GIÁM SÁT, KIỂM TRA HOẠT ĐỘNG ĐOÀN THANH TRA

Mục 1

GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG ĐOÀN THANH TRA

Điều 7. Trách nhiệm giám sát

1. Người ra quyết định thanh tra có trách nhiệm tự giám sát hoạt động Đoàn thanh tra hoặc cử cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý có đủ điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều 6 Quy chế này thực hiện nhiệm vụ

giám sát hoạt động Đoàn thanh tra. Văn bản cử cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ giám sát phải thể hiện bằng hình thức quyết định.

Tùy thuộc vào điều kiện, quy mô giám sát, trong cùng một thời gian, mỗi cán bộ, công chức có thể được giao giám sát nhiều Đoàn thanh tra nhưng tối đa không quá 03 Đoàn thanh tra.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp cán bộ, công chức tham gia Đoàn thanh tra có trách nhiệm giám sát cán bộ, công chức của mình trong quá trình thực hiện nhiệm vụ thanh tra.

Điều 8. Nội dung giám sát

1. Người ra quyết định thanh tra giám sát hoạt động Đoàn thanh tra thông qua việc theo dõi, xem xét, đánh giá các hoạt động sau:

- a) Việc thực hiện Kế hoạch tiến hành thanh tra;
- b) Việc thực hiện trình tự, thủ tục thanh tra;
- c) Việc chấp hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, ý thức chấp hành kỷ luật của thành viên Đoàn thanh tra;
- d) Việc báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ của thành viên Đoàn thanh tra; báo cáo kết quả thanh tra của Đoàn thanh tra;
- đ) Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo của Đoàn thanh tra;
- e) Việc xử lý ý kiến khác nhau giữa các thành viên Đoàn thanh tra về những vấn đề liên quan đến cuộc thanh tra của Trưởng Đoàn thanh tra;
- g) Việc ghi Nhật ký Đoàn thanh tra;
- h) Các kiến nghị, phản ánh từ cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra hoặc từ các nguồn thông tin khác về hoạt động của Đoàn thanh tra (nếu có).

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp cán bộ, công chức tham gia Đoàn thanh tra giám sát các hoạt động của cán bộ, công chức do mình quản lý thông qua việc theo dõi, xem xét, đánh giá các hoạt động sau:

- a) Việc thực hiện tiến độ thanh tra;
- b) Phản ánh, kiến nghị của Trưởng đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra hoặc từ các nguồn thông tin khác về việc chấp hành quy tắc ứng xử, ý thức chấp hành kỷ luật thanh tra, việc thực hiện nhiệm vụ thanh tra đối với cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý trực tiếp (nếu có);

3. Cán bộ, công chức được cử giám sát hoạt động Đoàn thanh tra thực hiện việc giám sát theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Người giám sát

1. Trong quá trình giám sát hoạt động Đoàn thanh tra, Người ra quyết định thanh tra yêu cầu Đoàn thanh tra định kỳ báo cáo về kết quả, tiến độ thanh tra và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định pháp luật về thanh tra và Quy chế này.

Việc báo cáo về kết quả, tiến độ thanh tra được thực hiện định kỳ ít nhất 2 lần đối với mỗi cuộc thanh tra.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp cán bộ, công chức tham gia Đoàn thanh tra có quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a) Nhận Quyết định thanh tra; được biết về nhiệm vụ, tiến độ thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức do mình quản lý trực tiếp tham gia Đoàn thanh tra;

b) Yêu cầu cán bộ, công chức thông báo tiến độ thực hiện nhiệm vụ thanh tra;

c) Xem xét phản ánh, kiến nghị quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Quy chế này để có biện pháp xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo Người ra quyết định thanh tra xử lý;

d) Tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ, công chức hoàn thành nhiệm vụ.

đ) Trường hợp cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý trực tiếp thuộc cơ quan thanh tra nhà nước là Trưởng Đoàn thanh tra thì ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại điểm a, b, c, d khoản này, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp cán bộ, công chức còn có trách nhiệm giúp Người ra quyết định thanh tra đôn đốc tiến độ thực hiện nhiệm vụ của Đoàn thanh tra; tham gia ý kiến vào dự thảo báo cáo kết quả thanh tra, dự thảo kết luận thanh tra khi được Người ra quyết định thanh tra yêu cầu.

3. Trong quá trình giám sát hoạt động Đoàn thanh tra, cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ giám sát có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Định kỳ yêu cầu Đoàn thanh tra báo cáo về kết quả, tiến độ thanh tra để thực hiện việc giám sát;

b) Yêu cầu Trưởng Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra cung cấp thông tin, tài liệu theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Quy chế này;

c) Báo cáo bằng văn bản với Người ra quyết định thanh tra về kết quả giám sát và kiến nghị các giải pháp khắc phục khó khăn, vướng mắc

phát sinh trong hoạt động thanh tra (nếu có); chịu trách nhiệm trước Người ra quyết định thanh tra, trước pháp luật về tính trung thực của Báo cáo đó.

Điều 10. Quyền, nghĩa vụ của Người được giám sát

Trong quá trình giám sát, Người được giám sát có các quyền, nghĩa vụ sau đây:

1. Định kỳ báo cáo về kết quả, tiến độ thanh tra theo yêu cầu của Người ra quyết định thanh tra, cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ giám sát.
2. Cung cấp kịp thời, đầy đủ thông tin, tài liệu được quy định tại Điều 8 của Quy chế này theo yêu cầu của Người giám sát.
3. Giải trình về những vấn đề có liên quan đến nội dung giám sát.
4. Kiến nghị với Người giám sát các giải pháp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của Đoàn thanh tra.

Điều 11. Báo cáo kết quả giám sát

1. Trong quá trình giám sát hoạt động Đoàn thanh tra, cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ giám sát phải kịp thời báo cáo với Người ra quyết định thanh tra khi phát hiện Đoàn thanh tra có khó khăn, vướng mắc hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc khi Người ra quyết định thanh tra yêu cầu. Báo cáo phải nêu rõ nội dung, nguyên nhân khó khăn, vướng mắc hoặc dấu hiệu vi phạm pháp luật; kiến nghị biện pháp xử lý.

2. Chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc thanh tra, cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ giám sát có trách nhiệm báo cáo với Người ra quyết định thanh tra kết quả giám sát hoạt động Đoàn thanh tra. Báo cáo kết quả giám sát bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Đánh giá tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ của Đoàn thanh tra theo nội dung quy định tại Điều 8 Quy chế này;
- b) Khó khăn, vướng mắc hoặc dấu hiệu vi phạm pháp luật của Đoàn thanh tra; kiến nghị biện pháp xử lý (nếu có);
- c) Những vấn đề cần rút kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện hoạt động thanh tra và các nội dung khác (nếu có).

3. Báo cáo kết quả giám sát phải thể hiện bằng văn bản và gửi cho Người được giám sát. Trưởng Đoàn thanh tra có trách nhiệm lưu Báo cáo vào hồ sơ thanh tra.

Điều 12. Xử lý kết quả giám sát

1. Căn cứ kết quả giám sát, Người ra quyết định thanh tra có trách nhiệm xem xét, giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc; kiến nghị có liên quan đến hoạt động Đoàn thanh tra (nếu có), tạo điều kiện thuận lợi để Đoàn thanh tra hoàn thành nhiệm vụ.

2. Trường hợp có tố cáo hoặc phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì Người ra quyết định thanh tra quyết định việc kiểm tra hoạt động Đoàn thanh tra.

Mục 2

KIỂM TRA HOẠT ĐỘNG ĐOÀN THANH TRA

Điều 13. Trách nhiệm kiểm tra

1. Người ra quyết định thanh tra có trách nhiệm kiểm tra hoạt động Đoàn thanh tra hoặc cử cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý trực tiếp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra hoạt động Đoàn thanh tra khi có tố cáo hoặc phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan đến Trường Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra.

2. Việc kiểm tra chỉ được thực hiện khi có Quyết định kiểm tra bằng văn bản của Người ra quyết định thanh tra.

Điều 14. Quyết định kiểm tra

1. Quyết định kiểm tra phải ghi rõ:

- a) Căn cứ ra quyết định kiểm tra;
- b) Đối tượng, nội dung, phạm vi kiểm tra;
- c) Thời hạn tiến hành kiểm tra;
- d) Người được giao nhiệm vụ kiểm tra.

2. Chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày ký, Quyết định kiểm tra phải được gửi cho cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, Đoàn thanh tra và Người được kiểm tra.

Điều 15. Thời hạn tiến hành kiểm tra

Thời hạn kiểm tra Đoàn thanh tra tối đa là 05 ngày làm việc kể từ ngày Người được kiểm tra nhận được Quyết định kiểm tra. Trong trường hợp nội dung, phạm vi kiểm tra phức tạp, Người ra Quyết định thanh tra có thể gia hạn kiểm tra. Thời hạn gia hạn không vượt quá thời hạn kiểm tra Đoàn thanh tra.

Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của Người kiểm tra

1. Người ra quyết định thanh tra thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn kiểm tra theo quy định của pháp luật về thanh tra và Quy chế này.

2. Cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra hoạt động Đoàn thanh tra có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Yêu cầu Trưởng Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra;

b) Xác minh, kết luận về những nội dung kiểm tra;

c) Báo cáo bằng văn bản với Người ra quyết định thanh tra về kết quả kiểm tra;

d) Chịu trách nhiệm trước Người ra quyết định thanh tra, trước pháp luật về nội dung Báo cáo kết quả kiểm tra.

Điều 17. Quyền, nghĩa vụ của Người được kiểm tra

Trong quá trình kiểm tra, Người được kiểm tra có quyền, nghĩa vụ sau đây:

1. Chấp hành Quyết định kiểm tra.

2. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung kiểm tra.

3. Giải trình về những vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm tra.

Điều 18. Báo cáo kết quả kiểm tra

1. Chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra có trách nhiệm báo cáo về kết quả kiểm tra với Người ra quyết định thanh tra. Báo cáo kết quả kiểm tra bao gồm các nội dung sau đây:

a) Đánh giá tình hình, kết quả kiểm tra;

b) Kết luận về nội dung kiểm tra;

c) Kiến nghị các biện pháp xử lý hành vi vi phạm pháp luật và các nội dung khác (nếu có).

2. Báo cáo kết quả kiểm tra được gửi cho Người ra quyết định thanh tra, Đoàn thanh tra, Người được kiểm tra và Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp cán bộ, công chức tham gia Đoàn thanh tra bị tố cáo hoặc có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

3. Báo cáo kết quả kiểm tra phải được thể hiện bằng văn bản. Trưởng Đoàn thanh tra có trách nhiệm lưu Báo cáo vào hồ sơ thanh tra.

Điều 19. Xử lý kết quả kiểm tra

Căn cứ kết quả kiểm tra, Người ra quyết định thanh tra có trách nhiệm xem xét, xử lý kịp thời kết quả kiểm tra. Trường hợp phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, Người ra quyết định thanh tra thay đổi Trường Đoàn thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra, áp dụng các biện pháp theo thẩm quyền hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xử lý kỷ luật hoặc chuyển sang cơ quan điều tra để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

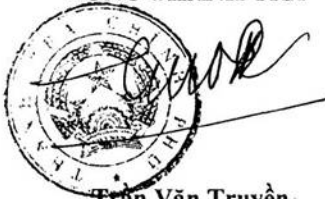
Điều 20. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc giám sát, kiểm tra hoạt động Đoàn thanh tra được khen thưởng theo quy định của pháp luật.
2. Cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Hướng dẫn thi hành

1. Vụ trưởng, Cục trưởng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Thanh tra Chính phủ, Chánh thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chánh thanh tra bộ, ngành trong phạm vi quản lý của mình có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.
2. Quá trình thực hiện Quy chế nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, Chánh thanh tra các bộ, ngành, địa phương phản ánh kịp thời về Thanh tra Chính phủ để xem xét, xử lý./.

TỔNG THANH TRA



Trần Văn Truyền